

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/DS-ST

Ngày 30/9/2019

V/v Tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Từ Ngọc Viễn;

Bà Nguyễn Thị Hơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 334/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kiều H (Tên thường gọi: Chín Toàn, Chín Tiệm), sinh năm 1964.

Trú tại: số H, Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1991; Trú tại: H, Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Mã Thị Ngọc D, sinh năm 1957 (có mặt).

Trú tại: số M, Ấp M, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và tại biên bản hòa giải, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên vào ngày 03/9/2015 bà Mã Thị Ngọc D có vay của bà Bùi Thị Kiều H (tên thường gọi là chị Chín Toàn) số tiền 50.000.0000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận về thời hạn trả, khi nào cần tiền sẽ báo trước. Phía bà Ngọc D có làm biên nhận nợ cho bà H. Tuy nhiên sau khi nhận đủ

50.000.000 đồng, bà Ngọc D không có trả khoản tiền lãi cũng như nợ gốc cho bà H.

Tiếp theo, vào ngày 30/9/2015 bà Mã Thị Ngọc D có vay tiếp của bà Bùi Thị Kiều H (tên thường gọi là chị Chín Toàn) số tiền 75.000.0000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận về thời hạn trả, khi nào cần tiền sẽ báo trước. Phía bà Ngọc D có làm biên nhận nợ cho bà H. Tuy nhiên sau khi nhận đủ 75.000.000 đồng, bà Ngọc D không có trả khoản tiền lãi cũng như nợ gốc cho bà H.

Tổng cộng là số tiền nợ gốc mà bà Mã Thị Ngọc D còn nợ lại là H là 125.000.000 đồng. Phía bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Ngọc D trả số nợ gốc và nợ lãi nhưng bà Ngọc D không thực hiện.

Nay bà Bùi Thị Kiều H khởi kiện bà Mã Thị Ngọc D yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định tạm tính từ ngày 01/10/2015 cho đến ngày khởi kiện ngày 01/8/2019 là 90.625.000 đồng, tổng cộng là 212.625.000 đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Mã Thị Ngọc D trình bày:* Bà Ngọc D thống nhất còn nợ lại bà Bùi Thị Kiều H (tên thường gọi là chị Chín Toàn) số nợ gốc là 125.000.000 đồng theo 02 biên nhận nợ: biên nhận nợ đề ngày 03/9/2015 và biên nhận nợ đề ngày 30/9/2015. Nhưng đây là số tiền bà D vay vào năm 2012, lãi suất là 4%/tháng, mỗi tháng bà D trả cho bà H số tiền lãi là 4.800.000 đồng. Khi vay thì không thỏa thuận về thời hạn trả, khi nào cần tiền sẽ báo trước, hoặc bà D có tiền sẽ trả ngay cho bà H. Khi đó không có làm biên nhận nợ.

Đến năm 2015, do không có khả năng trả nợ gốc và nợ lãi nên bà D mới viết cho bà H 02 biên nhận nợ đề ngày 03/9/2015 và biên nhận nợ đề ngày 30/9/2015 với tổng số tiền nợ gốc là 125.000.000 đồng.

Kể từ sau ngày 30/9/2015, bà D không trả nợ gốc và nợ lãi cho bà H nữa.

Khi bà Ngọc D trả số tiền lãi cho bà H mỗi tháng là 4.800.000 đồng, phía bà H không làm biên nhận tiền cho phía bà D và bà D cũng không có sổ theo dõi về việc trả lãi hàng tháng cho bà H, cũng không có người chứng kiến việc trả tiền lãi này.

Đối với yêu cầu của bà H về yêu cầu trả số nợ gốc là 125.000.000 đồng, phía bà D đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu trả vào tháng 10/2019, hoặc phía bà H đồng ý giảm bớt số tiền nợ gốc còn 60.000.000 đồng thì bà D sẽ trả ngay làm 01 lần.

Đối với yêu cầu của bà H về yêu cầu trả số nợ lãi là 90.625.000 đồng, phía bà D không đồng ý trả, vì bà D cho rằng đã trả lãi quá cao từ năm 2012 cho đến năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay còn nợ và lãi vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

[2] Về nội D: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ tổng cộng là 125.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 10/2015 (thời điểm viết biên nhận nợ) đến tháng 10/2019. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Các vấn đề nguyên đơn - bị đơn thống nhất và không thống nhất:

- Thống nhất: số tiền vay bị đơn còn nợ nguyên đơn là 125.000.000 đồng.

- Không thống nhất: Bị đơn cho rằng số tiền nợ 125.000.000 đồng là số tiền của nguyên đơn cho bị đơn vay nhiều lần, bắt đầu từ năm 2012, lãi suất mỗi tháng 4% tháng là 4.800.000 đồng, bị đơn đóng lãi đầy đủ đến năm 2015.

[4] Tại phiên tòa, bị đơn không đồng ý trả số tiền vay 125.000.000 đồng và lãi vì không có khả năng. Bị đơn trình bày, số tiền nợ 125.000.000 đồng bị đơn vay từ năm 2012 và đã đóng tiền lãi quá nhiều. Xét, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay 125.000.000 đồng theo hai biên nhận nợ đề ngày 03/9/2015 với số tiền vay 50.000.000 đồng và ngày 30/9/2015 với số tiền vay là 75.000.000 đồng, nhưng khai nại việc đã đóng lãi cho số tiền nợ trên từ năm 2012 đến thời điểm viết biên nhận nhưng không có chứng cứ chứng minh cho nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Từ đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 125.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi vay theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2019 là phù hợp với quy định nên được chấp nhận, số tiền lãi được tính như sau: $125.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ năm (từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2019)} \times 9\% \text{ năm} = 45.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền vốn vay và lãi vay bị đơn phải trả là: $125.000.000 \text{ đồng} + 45.000.000 \text{ đồng} = 170.000.000 \text{ đồng}$.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay và lãi vay nên cần buộc bị đơn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị Kiều H.

Buộc bà Mã Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Kiều H số tiền nợ vay tổng cộng là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó: tiền vốn vay còn nợ là 125.000.000 đồng và tiền lãi vay là 45.000.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà D chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà D còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí:

Bà Mã Thị Ngọc D phải chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Bùi Thị Kiều H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.390.000 đồng theo biên lai số 0000264 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP. Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đỗ Thị Minh Nguyệt